**DANH SÁCH CÁC KCN CÒN ĐẤT/NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ**

*(Đính kèm theo văn bản số /KCNĐN-DN ngày /11/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **KHU CÔNG NGHIỆP/CỤM CÔNG NGHIỆP** | **NGÀNH NGHỀ ĐẦU TƯ THEO ĐTM** | **CÔNG TY HẠ TẦNG** | **DIỆN TÍCH ĐẤT DỊCH VỤ CÒN TRỒNG (ha)** | **DIỆN TÍCH ĐẤT NHÀ MÁY, KHO TÀNG CÒN TRỐNG (ha)** |
| 1 | KCN Nhơn Trạch III (giai đoạn 1) | Các ngành công nghiệp nhẹ (**Dệt nhuộm**, tẩy trắng, tơ sợi...; May mặc; giày, da và các sản phẩm chế biến từ da; Các loại hình công nghiệp nhẹ khác..); Các ngành cơ khí chế tạo (Chế tạo ôtô, máy móc động lực; Chế tạo thiết bị phục vụ ngành giao thông vận tải và xây dựng; Chế tạo máy nông nghiệp; Cơ khí chế tạo); Sản xuất vật liệu xây dựng (Gạch, sành sứ, firbo cement, bê tông tươi và bê tông đúc sẵn; Gia công kết cấu thép, **tấm lợp mạ kẽm, trang thiết bị mạ kẽm**, trang thiết bị nội thất, các sản phẩm phục vụ xây dựng khác); SX chế biến sản phẩm gỗ; Thực phẩm (Chế biến thịt, hải sản; SX rượu, bia, nước giải khát; Chế biến thực phẩm khác); Hoá chất, mỹ phẩm (Hoá chất cơ bản và hoá chất tiêu dùng; Hương liệu; Hoá mỹ phẩm; Dược phẩm, vật tư y tế); Điện gia dụng, điện tử, điện lạnh; Dịch vụ (Bưu điện, ngân hàng, viễn thông; các dịch vụ giải trí; Cung ứng lương thực, thực phẩm, xăng dầu, vật liệu xây dựng, y tế công đồng, xử lý chất thải, kho bãi, nhà xưởng cho thuê...); Nhiệt điện; Sản xuất và tiêu thụ sợi nhân tạo, hạt polyeste; Nghiên cứu phát triển sử dụng sợi và các sản phẩm hóa học có liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; Xây dựng và cho thuê kho, bãi, nhà xưởng; Sợi, vải, dây kéo; vật liệu xây dựng (bê tông tươi, kết cấu thép); Bột giấy, giấy; chế biến thủy hải sản; thuốc bảo vệ thực vật. | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa | 3.90 |  |
| 2 | KCN Ông Kèo | Đóng mới và sửa chữa tàu thủy và các dịch vụ có liên quan(trừ dịch vụ vệ sinh tàu); sản xuất chế biến dầu nhờn, gas, khí hóa lỏng, các sản phẩm gốc dầu, luyện kim, hóa chất (không bao gồm hóa chất cơ bản), phân bón, ximăng; sản xuất điện, bưu chính viễn thông, xây dựng, cơ khí; công nghiệp sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy (không bao gồm công đoạn sản xuất bột giấy); sản xuất nhựa, nhựa cao phân tử, cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp (không bao gồm công đoạn chế biến mủ cao su); sản xuất nguyên vật liệu xây dựng, dân dụng, công nghiệp; sản xuất thủ công mỹ nghệ, gốm sứ , thủy tinh, gỗ, lâm sản. Công nghiệp nhẹ: Dệt (không bao gồm nhuộm có công suất 10.000.000m vải/năm trở lên), may mặc, tơ, sợi, giầy da (không có thuộc da trước công đoạn wetblue), chế biến thủy sản, nông sản, hàng xuất khẩu và tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm, dược phẩm, nguyên liệu, hương liệu, hóa mỹ phẩm, nước giải khát, rượu, bia các lọai; cơ khí chế tạo, cơ khí gia công, lắp ráp. Ngành dịch vụ: Ngân hàng, bưu điện, VP cho thuê, khách sạn, DV giải trí, DV vệ sinh công cộng, xử lý nước thải, cho thuê kho bãi; các loại hình công nghiệp ít gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái khác không bị nghiêm cấm.  1.3.1. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (50%): sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt (không bao gồm công đoạn nhuộm); sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không bao gồm thuộc, nhuộm da); sản xuất, chế biến gỗ, sản xuất chế biến sản phẩm từ gỗ và tre nứa, ván sợi (MDF, HDF), sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy từ nguyên liệu tre, nứa, gỗ); in sao chép bản ghi các loại; sản xuất dầu mỏ tinh chế; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (không bao gồm chế biến mủ cao su); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; sản xuất kim loại (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn trừ máy móc thiết bị (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm); sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm); sản xuất thiết bị điện; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm); sản xuất ô tô và xe có động cơ khác (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm); sản xuất phương tiện vận tải khác; sản xuất giường, tủ, bàn ghế; công nghiệp chế biến, chế tạo khác; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; công nghiệp môi trường (sản xuất các sản phẩm xử lý nước cấp, bồn bể phốt, mô đun xử lý nước thải, tấm năng lượng mặt trời dùng cho bình nước nóng). Đối với các dự án có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm, chủ các dự án đầu tư thứ cấp tự thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ công đoạn xi mạ và hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.  1.3.2. Ngành công nghiệp hỗ trợ (30%): sản xuất nguyên vật liệu, phụ kiện, phụ tùng linh kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất; chế biến, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm); công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất ô tô (có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm). Đối với các dự án có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm, chủ các dự án đầu tư thứ cấp tự thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ công đoạn xi mạ và hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý như chất thải nguy hại.  1.3.3. Vận tải kho bãi (20%): kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải, bưu chính và chuyển phát. | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa |  | 25.70 |
| 3 | KCN An Phước | 1. Công nghiệp chế biến, chế tạo: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Sản xuất chế biến cà phê, nông sản, thủy hải sản; Sơ chế nông sản; Xử lý hạt giống; Sản xuất sơn, keo dán công nghiệp; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu, hương liệu, hóa mỹ phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất (không thu hút chế biến thủy sản chưa qua sơ chế; sản xuất hóa chất cơ bản).Dệt; Sản xuất trang phục; Sản xuất giày da và các sản phẩm chế biến từ da; Sản xuất sản phẩm từ cao su (không sử dụng từ mủ tươi) và plastic; Sản xuất các sản phẩm nhựa, hạt nhựa, bột màu công nghiệp; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị (Không thu hút ngành thuộc da; ngành sản xuất bột giấy).Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu; Sản xuất xe có động cơ; Sản xuất máy móc phụ tùng máy nông nghiệp, xây dựng và công nghiệp; Sản xuất phương tiện vận tải khác; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất phụ tùng cho ngành dệt, may; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại và kim loại, kim khí, dụng cụ gia đình; Sản xuất dụng cụ y tế, dụng cụ thể dục thể thao và đồ chơi trẻ em; Các loại hình cơ khí chế tạo, gia công và lắp ráp (Được thu hút những dự án có công đoạn xi mạ để hoàn thiện sản phẩm).  Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; Sản xuất pin và ắc quy.  Sản xuất kính nổi, kính xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng và thiết bị trang trí nội thất; Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tươi; Sản xuất trang thiết bị, nội thất; Nhà máy sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng khác; Sản xuất gốm, sứ, thuỷ tinh, pha lê.  2. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ: Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển), cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình ; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan; Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác; Viễn thông, Ngân hàng, bưu điện, dịch vụ cung ứng vật tư, nhiên liệu, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vệ sinh công cộng, xử lý chất thải, dịch vụ kho bãi, nhà xưởng cho thuê. | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa |  | 3.1 |
| 4 | KCN Lộc An - Bình Sơn | Sản xuất, chế biến thực phẩm C10 (Không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm, sản xuất dầu mỡ động thực vật); Sản xuất đồ uống C11; Dệt C13 (Không bao gồm nhuộm); Sản xuất trang phục C14; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan C15 (Không bao gồm các công đoạn sơ chế da, thuộc da); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện C16 (Không bao gồm chế biến gỗ); Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy C17 (Không bao gồm sản xuất giấy từ gỗ nguyên liệu và phế liệu); Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế C19200; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất C20 (Không bao gồm sản xuất hoá chất cơ bản); Sản xuất khí công nghiệp C20111; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu C21; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic C22 Không bao gồm sản xuất từ nguyên liệu là mủ cao su; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác C23; Sản xuất kim loại C24; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) C25 (Không bao gồm xi mạ); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học C26; Sản xuất thiết bị điện C27; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu C28; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác C29; Sản xuất các phương tiện vận tải khác C30; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế C31; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác C32; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải H52; Bưu chính và chuyển phát H53; Dịch vụ lưu trú I55; Dịch vụ ăn uống I56; Viễn thông J61; Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính J62; Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) K64; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ M72. | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển V.R.G Long Thành | 10.3 | 117.45 |
| 5 | KCN Giang Điền | Chế tạo, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao:Viễn thông, CNTT, tự động hóa, cơ điện tử và cơ khí chính xác, vật liệu xây dựng, công nghệ sinh học; Sản xuất lắp ráp đồ điện, điện tử, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị nghe nhìn; Sản xuất dây điện, cáp điện; SX lắp ráp chế tạo xe và phụ tùng các loại xe ô tô, xe máy, xe đạp; SX lắp ráp các lọai động cơ truyền động, phụ tùng, thiết bị đìêu khiển cho ngành hàng không, hàng hải; SX, gia công cơ khí, SX các loại sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng; SX dụng cụ y tế, dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi trẻ em; SX đồ kim hoàn, giả kim hoàn; Sx các sản phẩm trang trí nội thất, đồ gỗ cao cấp, SX công nghiệp nhựa, cao su, thủy tinh, dược phẩm, nông dược; dịch vụ cung cấp khẩu phần ăn uống cho máy bay, các ngành dịch vụ phục vụ sản xuất trong KCN. **Bổ sung:** (VB số 28/TCMT-TĐ) Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm: các loại bánh từ bột, đường, cacao, sôcôla, mứt kẹo, mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sx đồ uống không cồn, nước khoáng, nước uống tinh khiết đóng chai; Sx hàng may sẵn (trừ trang phục), Sx thảm, chăn đệm; Sx trang phục (trừ sản phẩm từ da lông thú); Sx vali, túi xách và các loại tương tự, Sx giày dép; Chế biến gỗ và sx sản phẩm từ gỗ; Sx bao bì và các sản phẩm khác từ giấy, bìa; Sx sơn , vecni và các chất sơn, quét tương tự; Sx mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Sx sản phẩm chịu lửa, vật liệu xây dựng từ đất sét, sản phẩm gốm sứ khác, bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. **Bổ sung:** Các ngành công nghiệp phụ trợ, Chế biến, bảo quản rau quả; Sx dầu thực vật; Xay xát và sản xuất bột thô; Sx món ăn, thức ăn chế biến sẵn, thực phẩm khác; Sx nước đá; Dệt vải, Sx vải, Sx hàng dệt khác (không nhuộm); Sx các loại dây bện và lưới; Sx thú nhồi bông; Sx sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác: mica, nguyên liệu cách âm, cách nhiệt...Sx các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển, đồng hồ; Sx các thiết bị và dụng cụ quang học; Sx môtơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; Sx máy thông dụng: động cơ, tua bin, máy bơm, máy nén...Sx máy chuyên dụng: máy nông nghiệp và lâm nghiệp, máy công cụ và máy tạo hình kim loại, máy cho ngành dệt, may và da...Sx phương tiện vận tải khác, Sx giường, tủ, bàn ghế; Sx nhạc cụ, Sx thiết bị, dụng cụ nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng; Sx các sản phẩm khác: thiết bị bảo vệ an toàn như quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, mũ nhựa cứng..., bàn chải, chổi, bút chì và lõi bút chì, lược, bình xịt nước hoa, tóc giả, bút kẻ lông mày, nến, hoa giả...Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn; Bán, sửa chữa ôtô, môtô, xe máy và xe có động cơ khác; Sx và gia công sản phẩm từ vonfram, molypden và các loại đất hiếm; Sx keo công nghiệp (không phát sinh nước thải); Sản xuất mực in (không phát sinh nước thải). | Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền |  | 40 |
| 6 | KCN Thạnh Phú | Sản xuất, chế biến thực phẩm C 10; Chế biến nông sản, nông dược, thực phẩm 103; Sản xuất thức ăn gia súc gia cầm 108; Sản xuất đồ uống C 11; Ngành dệt C 13; Sản xuất trang phục (may mặc) C 14; Sản xuất vali, túi xách… (hàng tiêu dùng) C 15; Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu bện (đồ gỗ) C 16 162; Sản xuất bao bì bằng gỗ 1623; Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy C 17 170; Sản xuất giấy, bìa (hàng tiêu dùng) 1701; Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ C 20; Sản xuất phân bón 201 2012; Sản xuất sản phẩm nhựa nguyên sinh 2013 20131; Sản xuất mỹ phẩm 202 2023; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu C 21; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa gia dụng…) C 22; Sản xuất sản phẩm từ plastic 222; Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác vật liệu xây dựng, sản xuất cống bê tông đúc sẵn, bê tông tươi xây dựng C 23; Sản xuất thép xây dựng C 24; Sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (cơ khí chính xác) C 25; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (chủ yếu là lắp ráp điện tử) C 26; Sản xuất thiết bị điện C 27; Sản xuất pin năng lượng mặt trời 272; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu (đồ gia dụng) C 28; Ngành sản xuất lắp ráp ô tô. Sản xuất lắp ráp chế tạo xe và phụ tùng các loại xe ô tô, xe máy, xe đạp C 29; Lắp ráp xe đạp, xe máy, các phương tiện vận tải chuyên dụng C 30 309; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (đồ gia dụng) C 31; Sản xuất thiết bị y tế C 32 325; Sản xuất điện D 35 351 3511; Điện gió 35115; Điện mặt trời 35116; Điện khác 35119; \*Ghi chú: các ngành nghề thu hút đầu tư không có công đoạn xi mạ, không có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi. | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | 1.85 | 53.45 |
| 7 | KCN Xuân Lộc | Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: dệt (không nhuộm), may mặc, gia công sản xuất giày dép xuất khẩu, sản xuất hàng tiêu dùng điện tử, sản xuất dụng cụ nhựa, sản xuất dụng cụ thể thao; Chế biến nông lâm sản; Sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp (gạch men, đá granit, ...), vật liệu trang trí nội- ngoại thất; Sản xuất nông dược, trang thiết bị và dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh, thuốc thú y; Sản xuất bao bì; Sản xuất đồ gỗ cao cấp; Sản xuất đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em... | Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình | 0.80 | 6.40 |
| 8 | KCN Hố Nai | Xử lý hạt giống để nhân giống A 01 016 0164 01640; Sản xuất, chế biến thực phẩm (không thu hút chế biến thủy sản chưa qua sơ chế) C 10; Sản xuất đồ uống C 11 110; Dệt C 13; Sản xuất trang phục C 14; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (không thu hút ngành thuộc da) C 15; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện C 16; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (không bao gồm sản xuất bột giấy) C 17; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất C 20; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu C 21; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (không bao gồm sơ chế cao su) C 22; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác C 23; Sản xuất kim loại C 24; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) C 25; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (bao gồm gia công xi mạ) C 25 259 2592; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học C 26; Sản xuất thiết bị điện C 27; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu C 28; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác C 29; Sản xuất phương tiện vận tải khác C 30; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế C 31; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác C 32; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị C 33; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước và điều hoà không khí D 35; Khai thác, xử lý và cung cấp nước E 36; Thoát nước và xử lý nước thải E 37; Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu E 38; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng F 42; Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) G 46; Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) G 47; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải H 52; Bưu chính và chuyển phát H; Dịch vụ ăn uống I 56; Viễn thông J 61; Hoạt động dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) K 64; Hoạt động kinh doanh bất động sản L 68; Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính N 77; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm N 78; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan N 81; Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác N 82; Giáo dục và đào tạo P 85; Hoạt động y tế Q 86; Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí R 93. | Công ty CP KCN Hố Nai |  | 3.8 |
| 9 | KCN Long Khánh | Ấp trứng gia cầm A 01 014 0146 01461; Sản xuất, chế biến thực phẩm (không chế biến bột mì) C 10; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt 101 1010; Giết mổ gia súc, gia cầm 10101; Chế biến và bảo quản thịt 10102; Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt 10109; Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản 102 1020; Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh 10201; Chế biến và bảo quản thủy sản khô 10202; Chế biến và bảo quản nước mắm 10203; Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản 10209; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa 105 1050 10500; Sản xuất thực phẩm khác 107; Sản xuất các loại bánh từ bột 1071 10710; Sản xuất đường 1072 10720; Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo 1073 10730; Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự 1074 10740 Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn 1075; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thịt 10751; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản 10752; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn khác 10759; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản 108 1080 10800; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia C 11 110 1103 11030; Dệt (tất cả không có công đoạn nhuộm) C 13; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt 131; Sản xuất sợi 1311 13110; Sản xuất vải dệt thoi 1312 13120; Hoàn thiện sản phẩm dệt 1313 13130; Sản xuất hàng dệt khác 139; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác 1391 13910; Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) 1392 13920; Sản xuất thảm, chăn, đệm 1393 13930; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) C 14 141 1410 14100; Sản xuất vali, túi xách C 15 151 1512 15120; Sản xuất giày, dép C 15 152 1520 15200; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (không ngâm tẩm; trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bệt C 16; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ 161 1610; Cưa, xẻ và bào gỗ 16101; Bảo quản gỗ 16102; Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện 162; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác 1621 16210; Sản xuất đồ gỗ xây dựng 1622 16220; Sản xuất bao bì bằng gỗ 1623 16230; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện 1629; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ 16291; Sản xuất sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện 16292; Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa (không sử dụng nguyên liệu sản xuất là giấy tái chế) C 17 170 1702 17021; Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế (pha chế và đóng gói dầu nhớt) C 19 192 1920 19200; Sản xuất plastic nguyên sinh (sản xuất hạt nhựa PE) C 20 201 2013 20131;Sản xuất mực in (không phát sinh nước thải) C 20 202 2022 20222; Sản xuất keo dán (không phát sinh nước thải) C 20 202 2029 20290; Sản xuất sợi nhân tạo C 20 203 2030 20300; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (sản xuất dược phẩm) C 21; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu 210 2100; Sản xuất thuốc các loại 21001; Sản xuất hoá dược và dược liệu 21002; Sản xuất săm, lốp cao su (săm lốp cao su các loại có sử dụng nguyên liệu từ cao su chính phẩm) C 22 221 2211 22110; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su C 22 221 2219 22190; Sản xuất sản phẩm khác từ plastic C 22 222 2220 22209; Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh C 23 231 2310; Sản xuất thủy tinh phẳng và sản phẩm từ thủy tinh phẳng 23101; Sản xuất thủy tinh rỗng và sản phẩm từ thủy tinh rỗng 23102; Sản xuất sợi thủy tinh và sản phẩm từ sợi thủy tinh 23103; Sản xuất thủy tinh khác và các sản phẩm từ thủy tinh 23109; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét C 23 239 2392 23920; Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác C 23 239 2393 23930; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao C 23 239 2395 23950; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá C 23 239 2396 23960; Sản xuất các cấu kiện kim loại C 25 251 2511 25110; Gia công cơ khí C 25 259 2592 25920; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng C 25 259 2593 25930; Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn C 25 259 2599 25991; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại chưa được phân vào đâu C 25 259 2599 25999; Sản xuất linh kiện điện tử C 26 261 2610 26100; Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính C 26 262 2620 26200; Sản xuất thiết bị truyền thông C 26 263 2630 26300; Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng C 26 264 2640 26400; Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện C 27 271 2710; Sản xuất mô tơ, máy phát 2710 27101; Sản xuất biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện 2710 27102; Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác C 27 273 2732 27320; Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại C 27 273 2733 27330; Sản xuất mô tô, xe máy C 30 309 3091 30910; Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật C 30 309 3092 30920; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu C 30 309 3099 30990; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế C 31 310 3100; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ 31001; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại 31002; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác 31009; Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao C 32 323 3230 32300; Sản xuất đồ chơi, trò chơi (đồ chơi trẻ em) C 32 324 3240 32400; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác H 52 521 5210 52109. | Công ty CP KCN Long Khánh | 3.86 |  |
| 10 | KCN CNC Long Thành | Sản xuất, chế biến thực phẩm C 10 (Không bao gồm giết mổ gia súc, gia cầm); Sản xuất đồ uống C 11; Không sản xuất nước uống có cồn; Dệt C 13 (Không bao gồm nhuộm); Sản xuất trang phục C 14; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy C 17 (Không sản xuất bột giấy, giấy và bìa từ bột giấy); In, sao chép bản ghi các loại C 18; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất C 20; Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu C 21; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic C 22 (Không chế biến mủ cao su tươi và sản xuất sản phẩm từ mủ cao su); Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác C 23; Sản xuất kim loại C 24; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) C 25 (Có công đoạn xi mạ và phun sơn phủ bề mặt một số chi tiết trong quá trình sản xuất); Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học C 26 (Có công đoạn xi mạ và phun sơn phủ bề mặt một số chi tiết trong quá trình sản xuất); Sản xuất thiết bị điện C 27 (Có công đoạn xi mạ và phun sơn phủ bề mặt một số chi tiết trong quá trình sản xuất); Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu C 28; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác C 29; Sản xuất phương tiện vận tải khác C 30; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế C 31; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác C 32; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị C 33; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí D 35; Bán buôn (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) G 46; Bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) G 47; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải H 52 (Bao gồm cả kho lạnh); Hoạt động xuất bản J 58; Lập trình máy vi tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính J 62; Hoạt động dịch vụ thông tin J 63; Hoạt động kinh doanh bất động sản L 68 (Cho thuê nhà xưởng sản xuất); Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ M 72. | Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành |  | 35 |
| 11 | KCN Tân Phú | Công nghiệp không gây ô nhiễm bao gồm: các loại hình công nghiệp kỹ thuật cao (công nghiệp sạch) và các cơ sở dịch vụ, công ty dịch vụ chuyển giao công nghệ.  Công nghiệp ít gây ô nhiễm bao gồm: may mặc, lắp ráp điện tử, cơ khí chính xác.  Công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm: vật liệu xây dựng, cơ khí lắp ráp (không xi mạ).  Các ngành nghề cụ thể:  Ngành cơ khí chế tạo thiết bị phụ tùng; Điện tử, công nghệ thông tin; Điện tử thông tin (sản xuất thiết bị điện tử công nghiệp và điện tử chuyên dụng, sản xuất cấu kiện phụ kiện, vật tư điện tử, sản phẩm điện tử dân dụng); Công nghiệp tiêu dùng (Công nghiệp may; Sản xuất giày dép xuất khẩu, sản phẩm giày da cao cấp; Chế biến nông lâm sản: gỗ, hạt điều, cà phê, chế biến đồ hộp từ rau quả; Công nghiệp nhựa, công nghiệp gốm sứ); Sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp.  Ưu tiên: các dự án chế biến nông sản, công nghiệp nhẹ, sử dụng nguyên liệu địa phương. | Công ty Cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa |  | 1.61 |
| 12 | KCN Bàu Xéo | Sản xuất, chế biến thực phẩm C10; Dệt (không có công đoạn nhuộm) C13; Sản xuất trang phục C14; Sản xuất giày, dép C152; Chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ C16; Sản xuất bao bì giấy, bìa C17021; In, sao chép bản ghi các loại C18; Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ, phân bón sinh học và phân bón vi sinh vật C2012; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (bao gồm sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học và hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản) C2029; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu C21; Sản xuất sản phẩm từ plastic C222; Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh C231; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét C2392; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại (bao gồm công đoạn xi mạ) C259; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học C26; Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng C274; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác C291; Sản xuất mô tô, xe máy C3091; Sản xuất đồ kim hoàn, đồ giả kim hoàn và các chi tiết liên quan C321; Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao C323; Sản xuất đồ chơi, trò chơi C324; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (thủ công mỹ nghệ) C329; Điện mặt trời (bao gồm điện mặt trời mái nhà nối lưới) (chỉ được tiếp nhận khi được cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương và tuân thủ quy định của pháp luật về điện lực, xây dựng, an toàn cháy nổ) D35116; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác G452; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan G46613; Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) G47111; Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh G473; Hoạt động thiết kế chuyên dụng M74. | Công ty Cổ phần Thống Nhất | 4.24 | 18.32 |
| 13 | KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú | Công nghiệp nhẹ (cần nhiều công nhân và cân bằng lao động nữ) như: công nghiệp dệt (không nhuộm), may mặc, đóng giày da (không thuộc da); công nghiệp lắp ráp các linh kiện điện, điện tử; công nghiệp hương liệu, hóa mỹ phẩm: Nhà máy sản xuất hương liệu, Nhà máy sản xuất hoá mỹ phẩm: kem đánh răng, dầu gội đầu; công nghiệp vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất: Nhà máy sản xuất gạch men, Nhà máy gia công kết cấu thép, Nhà máy sản xuất trang thiết bị nội thất (các dự án mộc gia dụng), Nhà máy sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng khác: sản xuất ống nhựa, sản xuất thanh nhôm (trường hợp có xi mạ thực hiện theo văn bản 8599/UBND-CNN ngày 11/12/2006 của UBND tỉnh); công nghiệp thực phẩm; công nghiệp dược phẩm; công nghiệp chế biến cao su đã qua sơ chế: sản xuất lốp xe ôtô (các loại công nghiệp trên phải đảm bảo vệ sinh môi trường qua thẩm định bản cam kết bảo vệ môi trường hay đánh giá tác động môi trường theo các quy định hiện hành --> Ngoại trừ trường hợp của Công ty Tôn Phương Nam).  \* Chỉ được tiếp nhận những ngành nghề đăng ký bổ sung như: Cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị; sản xuất máy móc cơ giới; Chế biến nông sản (ngoại trừ sản xuất tinh bột sắn, chế biến cao su thiên nhiên); Chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản. Đối với ngành luyện cán thép, mạ, phun phủ và đánh phủ và đánh bóng kim loại, sản xuất hóa chất chỉ được thu hút sau khi UBND Tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (theo Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 quy định). | Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền |  | 4.63 |
| 14 | Cụm CN Cường Phú (Định Quán) | Sản xuất chế biến thực phẩm, sản xuất hàng dệt khác, sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (trừ thuộc da), chế biến gỗ và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất các sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết, bện, sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (chỉ từ giấy nguyên liệu), sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic, sản xuất các sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) không có công đoạn xi mạ và không dùng phế liệu làm nguyên liệu, sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất thiết bị điện, công nghiệp chế biến, chế tạo khác, sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, sản xuất bê tông, sản phẩm từ xi măng và thạch cao. | Công ty CP Đồng Phú Bình | 4.6 |  |
| 15 | Cụm CN Gốm sứ Tân Hạnh | Gốm sứ | UBND thành phố Biên Hòa | Đang tổ chức đầu giá quyền sử dụng đất 2 khu: Thửa đất số 66, tờ bản đồ địa chính số 41 (26.092,0 m2) và thửa đất số 167, tờ bản đồ địa chính số 25 (20.163,0 m2) |  |
| 16 | Cụm CN VLXD Tân An  (Vĩnh Cửu) | Chuyên ngành vật liệu xây dựng | Công ty CP Gạch men Sahado | 0.42 |  |